

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/7/2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung

Bà Nông Thị Giới

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/6/2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 09/2020/TB-TA ngày 14/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh H, sinh năm 1982 (Có mặt)

Bị đơn: Ông Bùi Phi H, sinh năm 1977 (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Bùi Đời V, sinh ngày 29/3/2006 (Có mặt).

Cùng đăng ký cư trú tại: Tổ 11, khu phố XC 2, phường HCh, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Bùi Đời V: ông Bùi Phi H, bà Võ Thị Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 24/3/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Thanh H trình bày:

Bà H và ông Bùi Phi H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 đến

năm 2001 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Bình, huyện Bình Long (Nay là xã Thanh Bình, huyện Hớn Quản), tỉnh Bình Phước vào ngày 01/8/2001. Vợ chồng chung sống với nhau vài năm thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và ông H thường xuyên đánh đập vợ con. Từ ngày 06/7/2019 bà H đã bỏ đi sống ly thân với ông H cho đến nay.

Về con chung: Bà H và ông H có 02 con chung tên Bùi Thanh Ph, sinh năm 2001 (đã chết năm 2015) và Bùi Đồi V, sinh ngày 29/3/2006 ngoài ra không nhận ai làm con nuôi và hiện tại bà H không có mang thai. Từ lúc bà H bỏ nhà đi từ ngày 06/7/2019, cháu V trực tiếp chung sống với bà H cho đến nay.

Nay do mâu thuẫn không thể hàn gắn, bà H yêu cầu ly hôn với ông H. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Đồi V, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Đối với tài sản chung và nợ chung, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Phi H trình bày:**

Ông H thống nhất về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn và con chung như bà H đã trình bày. Ông cũng thống nhất cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và ông có đánh bà H. Từ ngày 06/7/2019, bà H đã dẫn con bỏ nhà đi sống ly thân với ông H cho đến nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông còn thương vợ con, ông muốn hàn gắn gia đình để vợ chồng chung sống chăm sóc con.

Trong trường hợp bà H cương quyết yêu cầu ly hôn và Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ chứng minh quan hệ hôn nhân của ông và bà H mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được cho bà H ly hôn với ông thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Đồi V, sinh ngày 29/3/2006, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Đối với tài sản chung và nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Võ Thị Thanh H được ly hôn với bị đơn ông

Bùi Phi H và giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Về án phí bà H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Võ Thị Thanh H (Sau đây gọi tắt là bà H) khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Bùi Phi H (Sau đây gọi tắt là ông H) theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do bị đơn ông H cư trú tại tổ 11, khu phố Xa Cam 2, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 đến ngày 01/8/2001 đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Bình, huyện Bình Long (Nay là huyện Hớn Quản), tỉnh Bình Phước. Việc kết hôn của bà H và ông H là đúng theo quy định tại Điều 9 và không vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Về mâu thuẫn vợ chồng*: Bà H và ông H đều thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau và ông H thường đánh bà H. Tại bản tự khai ngày 07/5/2020 (bút lục 22) và tại phiên Tòa cháu Bùi Đồi V là con của bà H và ông H trình bày: “*Khi ba và mẹ còn chung sống với nhau ở nhà ba thường xuyên đánh đập mẹ và con, ngày nào ba cũng uống rượu, mỗi lần ba uống rượu là ba kiểm chuyện đánh mẹ*”. Đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long tại khu phố Xa Cam II, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (Bút lục 24), tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2020 đối với bà Đào Thị H là tổ trưởng tổ 11, khu phố Xa Cam II, phường Hưng Chiến (Bút lục 43) và biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2020 đối với ông Nguyễn Hồng S là trưởng khu phố Xa Cam II, phường Hưng Chiến (Bút lục 42) thể hiện: Quá trình chung sống, bà H và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, ông H thường đánh bà H, tổ dân phố nhiều lần gọi điện báo đại diện khu phố đến giải quyết. Cuối năm 2019, bà H đã dẫn con bỏ đi khỏi địa phương và sống ly thân với ông H cho đến nay. Nội dung lời khai của cháu V, biên bản xác minh ngày 08/5/2020 và lời trình

bày của bà H, ông S là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn bà H và bị đơn ông H về mâu thuẫn vợ chồng.

[4] *Về hòa giải đoàn tụ*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà H xác định không còn tình cảm, không thể trở lại sống chung với ông H và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nên hòa giải đoàn tụ không thành. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích các nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, các hậu quả về xã hội và gia đình sau khi vợ chồng ly hôn, nhưng bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông H.

[5] *Căn cứ pháp lý*: Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông H có nhiều mâu thuẫn. Thời gian bà H và ông H sống ly thân đã kéo dài nhưng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm, bà H xác định không còn tình cảm và không thể trở lại sống chung với ông H. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông H mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Hoài đối với bị đơn ông H.

[6] *Về con chung*: Bà H và ông H có 02 con chung tên Bùi Thanh Ph, sinh năm 2001 (đã chết năm 2015) và Bùi Đồi V, sinh ngày 29/3/2006. Bà H và ông H đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, bà H nộp tài liệu chứng gồm: “Sổ đăng ký tạm trú” (bút lục 33) “Giấy xác nhận thu nhập” (bút lục 34) chứng minh bà H hiện đang có nơi cư trú và việc làm ổn định với mức thu nhập trung bình 12.000.000 đồng/tháng. Ông H nộp các tài liệu chứng cứ gồm: “Sổ hộ khẩu” (bút lục 08) “Sổ tiết kiệm có kỳ hạn” (bút lục 27) “Đơn xác nhận thu nhập” (bút lục 28) chứng minh ông H đang có nơi cư trú, có việc làm ổn định với mức thu nhập trung bình 12.000.000 đồng/tháng và có khoản gửi tiết kiệm với số tiền 200.000.000 đồng. Qua các tài liệu chứng cứ trên xét thấy cả ông H và bà H đều có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, từ khi bà H và ông H sống ly thân với nhau từ tháng 7/2019 thì cháu V trực tiếp sống cùng bà H cho đến nay. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 07/5/2020 (bút lục 22) và tại phiên Tòa cháu V trình bày: “*Cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn*”. Tòa án đã tiến hành xác minh ý kiến của Hội liên hiệp phụ nữ thị xã Bình Long (bút lục 45) được bà Đinh Thị Ngọc C là Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ thị xã Bình Long cung cấp ý kiến như sau: “*Nguyện vọng của cháu V được sống cùng với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn. Tuy ông Hg có khoản tiền 200.000.000 đồng tiết kiệm gửi*

ngân hàng chứng minh điều kiện kinh tế tốt hơn bà H nhưng bà H cũng có việc làm và thu nhập ổn định đủ đảm bảo cuộc sống của hai mẹ con, đồng thời hiện nay bà H là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Để đảm bảo nguyện vọng và sự ổn định cuộc sống của cháu, Hội liên hiệp phụ nữ thị xã Bình Long có ý kiến cần giao cháu V cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bà H và ông H ly hôn”. Do đó, cần giao cháu V cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng nhằm để đảm bảo sự ổn định, phát triển mọi mặt của cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu. Bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên xử cho bà H được ly hôn với ông H và giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H phải chịu án phí theo quy định là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, nguyên đơn bà H phải chịu án phí theo quy định, bị đơn ông H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thanh H.

Bà Võ Thị Thanh H, sinh năm 1982 được ly hôn với ông Bùi Phi H, sinh năm 1977.

Về con chung: Giao con chung tên Bùi Đồi V, sinh ngày 29/3/2006 cho bà Võ Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Hoài không yêu cầu ông Bùi Phi H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Bùi Phi H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai có quyền cản trở
Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí bà Hoài đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004871 ngày 24/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Ông Bùi Phi H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Bình Long;
- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- UBND xã Thanh Bình, huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Đức